

Thứ ba, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

VNIndex giằng co quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/8/2020		•	
Tuần 10/8-14/8/2020		•	
Tháng 8/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tiếp tục mở cửa trong trạng thái tăng điểm, nhưng ngay sau đó, chỉ số này đã quay đầu giảm điểm, và diễn biến giằng co trong suốt khoảng thời gian còn lại của phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư thể hiện rõ sự suy yếu so với phiên trước đó, khi chỉ có 9/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng mạnh trên sàn HSX, nhưng đã mua ròng nhẹ trở lại trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường đã giảm sút so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tương đối tiêu cực cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang trở nên thận trọng hơn. Theo đánh giá của chúng tôi, với việc tâm lý nhà đầu tư đang khá lưỡng lự tại vùng 840-850 điểm, và thanh khoản ở mức thấp, khả năng cao VNIndex sẽ điều chỉnh nhẹ hoặc tích lũy tại vùng này trong một vài phiên tới, cho tới khi có những tin tức tiếp theo về dịch bệnh Covid-19.

Hợp đồng tương lai: Cùng với chỉ số, tất cả các HĐTL đều tiếp tục tăng điểm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 790 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân Hàng_1.9%

Phân tích kỹ thuật: ACB_Xu hướng tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.12** điểm, đóng cửa **843.08**. HNX-Index **+2.66** điểm, đóng cửa **116.3**.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.46)**; **CTG (+0.43)**; **VCB (+0.21)**; **PLX (+0.17)**; **DAT (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.67)**; **GAS (-0.27)**; **SAB (-0.25)**; **VRE (-0.22)**; **VHM (-0.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,598** tỷ đồng, **-16.66%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.26 điểm. Thị trường có **154** mã tăng, **65** mã tham chiếu và **222** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-121.4** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-29.6 tỷ)**, **HPG (-18.9 tỷ)** và **VRE (-13.7 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **3.75** tỷ đồng.

VN-INDEX 843.08

Giá trị: 3598.46 tỷ

-0.12 (-0.01%)

Khối ngoại (ròng): -121.4 tỷ

HNX-INDEX 116.30

Giá trị: 392.01 tỷ

2.66 (2.34%)

Khối ngoại (ròng): 3.75 tỷ

UPCOM-INDEX 56.52

Giá trị: 0.4 tỷ

0.22 (0.39%)

Khối ngoại (ròng): -10.92 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	42.5	1.41%
Giá vàng	1,995	-1.62%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,222	-0.21%
Tỷ giá JPY/VND	21,848	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	25.07%
LS TPCP 5 năm	1.7%	-1.32%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DHC	12.4	VHM	-29.6
MSN	11.2	HPG	-18.9
DPM	10.3	VRE	-13.7
HDB	6.4	VNM	-11.3
SAB	4.9	DXG	-9.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân Hàng_1.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Ngân Hàng	1.9%	2.3%	8.4%	5.3%	5.3%	-3.8%	37.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.4%	1.9%	6.7%	1.6%	1.6%	-4.6%	33.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.6%	1.2%	5.2%	0.6%	0.6%	-10.5%	35.0%
VN FinSelect	0.6%	1.1%	4.9%	0.2%	0.2%	-10.7%	33.1%
Corona Avengers	0.6%	1.0%	9.6%	3.3%	3.3%	-0.5%	40.4%
Cổ phiếu ngành Dược	0.6%	0.3%	0.1%	7.0%	7.0%	-2.0%	23.9%
Dầu khí	0.5%	1.5%	10.1%	-0.2%	-0.2%	-23.7%	43.3%
Stay-at-home	0.4%	1.1%	6.8%	2.6%	2.6%	7.3%	38.1%
VN Diamond	0.4%	0.9%	5.1%	0.3%	0.3%	-17.5%	34.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.4%	0.9%	6.8%	2.9%	2.9%	-13.0%	33.2%
Xây dựng	0.3%	1.0%	9.9%	7.3%	7.3%	-0.8%	33.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.2%	0.2%	6.5%	5.2%	5.2%	-7.8%	31.6%
Hàng tiêu dùng	0.2%	0.5%	7.0%	2.1%	2.1%	-6.4%	32.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.0%	0.1%	7.2%	2.2%	2.2%	-17.9%	36.2%
Lãi suất giảm	0.0%	0.7%	9.8%	5.8%	5.8%	2.5%	35.7%
Chiến tranh thương mại	0.0%	1.4%	8.7%	4.6%	4.6%	-9.5%	33.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.0%	0.3%	6.7%	4.3%	4.3%	-7.4%	30.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.2%	-0.1%	5.2%	3.2%	3.2%	-10.7%	28.1%
Nước & Năng lượng	-0.2%	0.3%	5.4%	6.2%	6.2%	-4.5%	29.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.3%	-0.1%	5.4%	2.0%	2.0%	4.2%	23.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.3%	1.6%	8.2%	7.0%	7.0%	-5.3%	27.7%
FTSE Việt Nam	-0.3%	-0.3%	4.5%	2.7%	2.7%	-8.4%	28.2%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	-0.6%	7.7%	4.7%	4.7%	2.2%	31.5%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.7%	1.6%	9.4%	11.3%	11.3%	12.1%	35.5%
Đầu tư công	-0.9%	-0.8%	8.4%	5.3%	5.3%	-0.7%	34.1%
Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	0.3%	1.0%	6.7%	0.8%	0.8%	-18.3%	37.6%
S21	0.3%	0.4%	8.5%	4.4%	4.4%	-9.8%	31.2%
M31	0.2%	0.7%	7.5%	3.7%	3.7%	-10.0%	34.4%
L32	0.0%	0.6%	7.8%	3.2%	3.2%	-16.7%	34.5%
M22	0.0%	0.2%	6.5%	3.2%	3.2%	-2.2%	29.1%
M12	0.0%	0.1%	6.8%	2.1%	2.1%	-9.0%	28.7%
S11	-0.1%	0.4%	7.4%	5.4%	5.4%	4.7%	29.2%
L22	-0.2%	-0.4%	7.0%	2.0%	2.0%	-13.5%	31.3%
L11	-0.3%	0.0%	6.4%	2.7%	2.7%	-8.9%	27.7%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	-0.1%	0.3%	6.8%	5.7%	5.7%	2.0%	28.9%
HIGH3	-0.2%	0.7%	6.1%	1.6%	1.6%	-11.9%	31.9%
LOW1	-0.4%	0.3%	6.8%	1.3%	1.3%	-9.1%	29.0%
INDEX							
VNINDEX	-0.01%	0.2%	5.6%	2.2%	2.2%	-12.3%	27.6%
VN30INDEX	0.03%	0.3%	5.9%	1.8%	1.8%	-10.7%	28.9%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	16	9	19	6	17	8
Mục tiêu	9	4	5	5	4	9	0
Rủi ro	3	0	3	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 11/8

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	42.21	0.64%	1.20%	3.60%	-18.58%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	45.17	0.40%	1.70%	3.90%	-21.17%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	123.90	0.79%	2.00%	-1.60%	-21.25%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	2019.16	-0.40%	0.00%	12.30%	32.23%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	28.97	-0.56%	11.40%	54.70%	66.23%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	875.00	0.20%	-0.80%	-1.80%	-7.01%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	493.00	0.41%	-3.00%	-7.70%	-2.13%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.43	0.36%	-4.20%	-12.80%	13.29%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	163.89	-2.22%	4.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.55	-0.95%	-1.30%	6.00%	-6.62%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	115.30	-2.21%	-4.30%	13.80%	1.36%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6396.50	1.40%	-1.40%	1.50%	11.40%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	551.89	0.55%	0.10%	4.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1786.00	0.85%	1.90%	7.30%	0.90%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	121.18	3.51%	6.00%	18.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.30	-0.55%	-3.00%	-5.70%	-28.65%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent tăng 59 US cent tương đương 1.3% lên 44.99 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas Mỹ (WTI) tăng 72 US cent tương đương 1.8% lên 41.94 USD/thùng.
- Giá dầu được hỗ trợ sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump cho biết, các đảng viên Dân chủ hàng đầu muốn gặp ông để cứu trợ kinh tế liên quan đến virus corona. Đồng thời, Amin Nasser, giám đốc điều hành thuộc Aramco SE, Saudi Arabia dự kiến nhu cầu dầu tại châu Á sẽ hồi phục khi các nền kinh tế dần mở cửa trở lại.
- Tình trạng giảm phát nhà máy của Trung Quốc trong tháng 7/2020 suy giảm do giá dầu toàn cầu tăng và hoạt động công nghiệp tăng lên mức trước đại dịch.
- Giá dầu còn được hỗ trợ khi Iraq sẽ cắt giảm sản lượng dầu thêm 400,000 thùng/ngày trong tháng 8 và tháng 9/2020, để bù đắp dư cung trong 3 tháng qua

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.2% xuống 2,030.26 USD/ounce, sau khi đạt mức cao (2,072.5 USD/ounce) trong phiên trước đó. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0.6% lên 2,039.7 USD/ounce.
- Đồng USD tăng lên mức cao nhất gần 1 tuần do các nhà đầu tư tập trung vào gói cứu trợ của Mỹ và cuộc họp Mỹ - Trung vào ngày 15/8/2020, khi căng thẳng giữa 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới gia tăng.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 2,2% xuống 880 CNY (126.32 USD)/tấn, đóng cửa phiên trước đó giảm 0.6% xuống 894 CNY/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm phiên thứ 2 liên tiếp do căng thẳng Mỹ - Trung gia tăng, song dự kiến nhu cầu quặng sắt vẫn duy trì vững.
- Trên sàn Thượng Hải giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 giảm 0.6% xuống 3,822 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng giảm 0.3% xuống 3,894 CNY/tấn

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 giảm 0.12 US cent tương đương 0.9% xuống 12.55 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 10 giảm 1.7 USD tương đương 0.5% xuống 370.6 USD/tấn. Giá đường giảm nhẹ, chỉ dưới mức cao nhất 5 tháng trong tuần trước đó, do nhu cầu từ Pakistan và Trung Quốc tăng.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn ICE giảm 2.85 US cent tương đương 2.5% xuống 1.126 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn London giảm 6 USD tương đương 0.4% xuống 1,357 USD/tấn.

	11/8	% 11/8	10/8	% 10/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	843.08	-0.01%	843.20	0.21%	1.87%	-3.23%
S&P 500			3,360.47	0.27%	2.00%	6.61%
S&P500 Futures	3,375.75	0.69%	3,352.75	0.24%	2.30%	6.21%
Shang- hai	3,340.29	-1.15%	3,379.25	0.75%	-0.93%	-1.27%
Euro Stoxx	3,335.30	2.32%	3,259.71	0.22%	2.49%	1.19%

Phân tích kỹ thuật

ACB_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: ACB đang ở trong trạng thái tăng giá ngắn hạn sau khi có sự điều chỉnh vào cuối tháng 07. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có xu hướng tăng. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, chỉ báo EMA vừa xuất hiện Golden Cross đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của ACB nằm tại khu vực 25.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 30, cắt lỗ nếu ngưỡng 24.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo ACB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 17,828 tỷ VND và 8,484 tỷ VND (giảm lần lượt 4% và 6.8% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 16,190 VND/cp.

Catalyst

Chất lượng tài sản tốt giúp chống chọi trong tình hình suy giảm chất lượng tài sản toàn ngành. Nhiều khoản thu nhập bất thường có thể được ghi nhận trong năm 2020.

L luận điểm đầu tư

Chất lượng tài sản tốt cùng khả năng sinh lời cao

Định giá ở mức hấp dẫn, nhiều catalyst có thể diễn ra trong năm 2020.

Rủi ro Đầu tư

Dịch bệnh khiến ảnh hưởng kết quả kinh doanh và chất lượng tài sản.

Cập nhật KQKD

LNTT +6.1% yoy, trong đó tín dụng +1.8% ytd, NIM -7 bps so với cuối năm 2019. ACB cũng ghi nhận 350 tỷ từ CK đầu tư. Chi phí hoạt động được tiết giảm, tuy nhiên chi phí tín dụng tăng mạnh do ảnh hưởng bởi COVID-19.

Chất lượng tài sản suy giảm nhẹ do dịch bệnh.

Kế hoạch 2020: Tín dụng +15% ytd, PBT +15% yoy trong năm 2020.

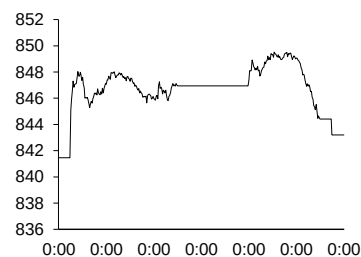
Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express ACB 2020Q2**

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

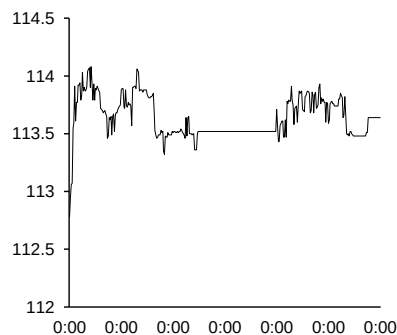
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.59%
Công nghệ Thông tin	-0.50%
Bất động sản	-0.48%
Bảo hiểm	-0.42%
Du lịch và Giải trí	-0.39%
Hóa chất	-0.19%
Thực phẩm và đồ uống	-0.13%
Ô tô và phụ tùng	-0.12%
Tài nguyên Cơ bản	-0.12%
Y tế	-0.08%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.04%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.06%
Truyền thông	0.08%
Bán lẻ	0.48%
Xây dựng và Vật liệu	0.49%
Ngân hàng	0.88%
Dầu khí	0.97%
Dịch vụ tài chính	1.11%
Viễn thông	9.76%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.6	1	-1.80%	Có thể tiếp tục mua
8/7/2020	C32	24.15	26	22.9	23.95	4	-0.83%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	8.47	5	2.29%	Có thể tiếp tục mua
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	23.55	7	2.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	78.1	8	11.41%	Có thể tiếp tục mua
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	30.8	12	-0.32%	Có thể tiếp tục mua
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	14.1	13	19.49%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.45	41	-2.73%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/26/2020	DGC	33.98	36.03	28.32	32.75	46	-3.62%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	31	48	1.01%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.25	54	10.58%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	79.4	56	6.01%	Có thể tiếp tục mua
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	36.9	67	-0.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt					(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

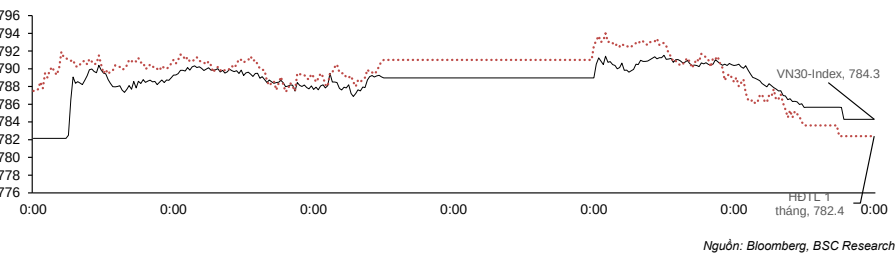
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	SL	18	-4.92%
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	SL	17	-7.77%
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	SL	21	-3.85%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%

Chú thích: Thống kê 20 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	6	7.57%	-1.69%	3.30%	28
Cổ phiếu đã chốt	12	22	11.93%	-8.34%	-1.18%	13

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	787.00	0.59%	2.43	17.0%	209,054	8/20/2020	11
VN30F2009	786.00	0.58%	1.43	29.5%	1,035	9/17/2020	39
VN30F2012	779.80	0.87%	-4.77	53.0%	101	12/17/2020	130
VN30F2103	777.10	0.49%	-7.47	14.3%	104	3/18/2021	221

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 0.27 điểm lên mức 784.57 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như CTG, VPB, EIB, MWG, HDB tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 có sự giằng co mạnh từ đầu phiên, chịu áp lực chốt lãi cao ở cuối phiên sáng, nhưng đã hồi phục vào cuối phiên chiều. VN30 có thể sẽ phải chịu áp lực bán gia tăng trong những phiên tới.
- Cùng với chỉ số, tất cả các HDTL đều tiếp tục tăng điểm. Xét về khối lượng giao dịch, tất cả các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng ngắn hạn đều tăng trong khi các hợp đồng dài hạn lại giảm. Điều này cho thấy niềm tin tăng trưởng dài hạn của thị trường đang giảm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 795 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSTB2002	12/16/2020	127	1:1	271,510	43.33%	1,700	1,050	3.96%	689	1.52	13,588	11,888	10,650
CHDB2006	10/8/2020	58	2:1	173,430	41.44%	2,180	1,810	1.69%	1,499	1.21	29,060	24,700	26,700
CVHM2002	11/30/2020	111	1:1	91,870	38.79%	11,500	9,920	1.33%	8,512	1.17	88,500	77,000	79,400
CVNM2003	9/4/2020	24	10:1	160,220	33.69%	1,450	2,270	0.89%	2,082	1.09	107,280	92,780	114,500
CNVL2001	12/16/2020	127	4:1	127,630	17.67%	2,300	2,070	0.00%	659	3.14	75,088	65,888	64,700
CVPB2006	11/30/2020	111	1:1	110,700	46.95%	3,400	1,270	0.00%	1,383	0.92	27,400	24,000	21,450
CFPT2007	10/23/2020	73	5:1	188,780	33.15%	1,690	1,250	-0.79%	1,012	1.24	51,950	43,500	47,000
CSTB2004	11/30/2020	111	1:1	246,060	43.33%	1,400	970	-1.02%	929	1.04	12,400	11,000	10,650
CREE2004	10/23/2020	73	3:1	239,310	28.82%	1,570	2,080	-1.42%	1,823	1.14	34,210	29,500	34,500
CMSN2005	10/29/2020	79	5:1	198,820	35.92%	2,100	670	-1.47%	374	1.79	70,500	60,000	54,600
CFPT2003	11/9/2020	90	1:1	31,890	33.15%	7,300	8,100	-2.41%	2,099	3.86	57,300	50,000	47,000
CMWG2009	10/23/2020	73	8:1	203,920	41.21%	1,600	760	-2.56%	635	1.20	94,800	82,000	79,500
CVHM2003	10/29/2020	79	10:1	115,050	38.79%	1,000	1,290	-3.01%	1,185	1.09	80,000	70,000	79,400
CVNM2004	11/30/2020	111	3:1	37,010	33.69%	17,500	10,890	-3.63%	7,668	1.42	133,973	116,473	114,500
CVNM2002	12/16/2020	127	3:1	170,000	33.69%	3,200	860	-4.44%	442	1.95	155,285	139,285	114,500
CHDB2003	12/16/2020	127	2:1	173,240	41.44%	2,700	830	-5.68%	515	1.61	37,523	32,123	26,700
CHPG2010	4/5/2021	237	4:1	203,240	38.64%	1,800	1,330	-6.34%	216	6.15	40,300	33,100	24,250
CHPG2011	10/20/2020	70	2:1	376,740	38.64%	2,350	2,820	-6.93%	662	4.26	29,900	25,200	24,250
CHPG2008	11/30/2020	111	1:1	65,810	38.64%	4,100	3,980	-7.44%	916	4.34	32,100	28,000	24,250
CVIC2003	10/5/2020	55	10:1	417,380	33.34%	1,670	340	-20.93%	67	5.04	119,750	103,050	87,500
Tổng				3,602,610	36.89%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/8/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- Về giá, CDPM2002 tăng mạnh 8.85%. Trái lại, CHPG2008 và CTCB2005 giảm mạnh lần lượt là -7.44% và -7.20%. Giá trị giao dịch giảm -23.95%. CHPG2011 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.90% thị trường.
- CVPB2006, CVPB2005, CTCB2004, CSTB2004, và CVPB2007 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVHM2002, và CVNM2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	79.5	0.6%	1.2	1,565	1.4	8,348	9.5	2.5	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	55.1	-0.4%	1.3	539	0.9	4,629	11.9	2.6	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	45.3	-0.3%	1.4	1,460	0.4	1,640	27.6	1.7	28.2%	6.8%	
PVI	Bảo hiểm	31.2	0.6%	0.4	303	0.0	2,654	11.8	1.0	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	87.5	-0.8%	0.8	12,868	0.8	2,255	38.8	3.7	13.9%	9.3%	
VRE	Bất động sản	26.3	-1.3%	1.1	2,598	1.7	1,057	24.9	2.2	30.8%	8.9%	
VHM	Bất động sản	79.4	-0.3%	1.3	11,356	3.1	6,784	11.7	3.8	20.2%	37.0%	
DXG	Bất động sản	9.5	-1.1%	1.3	215	1.0	1,672	5.7	0.7	38.2%	11.3%	
SSI	Chứng khoán	14.7	2.1%	1.3	384	3.4	1,718	8.6	0.9	49.1%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	22.0	2.8%	1.0	157	0.6	4,110	5.4	0.9	29.0%	18.0%	
HCM	Chứng khoán	17.9	2.9%	1.7	237	2.3	1,608	11.1	1.3	51.1%	11.5%	
FPT	Công nghệ	47.0	-0.4%	0.8	1,602	2.5	4,280	11.0	2.5	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	47.0	-1.1%	0.4	559	0.0	4,812	9.8	2.5	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	70.0	-0.7%	1.4	5,825	1.7	5,138	13.6	2.6	3.2%	20.4%	
PLX	Dầu khí	45.7	1.1%	1.5	2,396	1.1	441	103.6	2.8	14.7%	3.2%	
PVS	Dầu khí	12.2	0.8%	1.5	254	2.1	1,301	9.4	0.5	11.6%	5.0%	
BSR	Dầu khí	6.3	0.0%	0.8	849	0.5	898	7.0	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	96.7	0.0%	0.5	550	0.1	5,044	19.2	4.0	54.6%	21.2%	
DPM	Hóa chất	14.1	2.9%	0.4	239	2.6	1,586	8.9	0.7	10.6%	8.9%	
DCM	Hóa chất	8.4	0.1%	0.5	193	0.7	709	11.8	0.7	1.8%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	82.1	0.2%	1.1	13,239	1.1	4,915	16.7	3.4	23.8%	22.0%	
BID	Ngân hàng	38.5	1.0%	1.3	6,733	1.3	2,153	17.9	2.0	17.7%	12.5%	
CTG	Ngân hàng	23.2	1.8%	1.2	3,756	3.9	2,995	7.7	1.1	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	21.5	0.5%	1.2	2,273	1.9	4,126	5.2	1.1	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	16.5	0.3%	1.0	1,730	2.4	3,497	4.7	0.9	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	25.4	6.7%	1.0	1,836	16.6	3,750	6.8	1.4	30.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	51.7	-0.4%	0.9	184	0.3	5,760	9.0	1.7	82.3%	18.9%	
NTP	Nhựa	29.0	-0.3%	0.4	149	0.0	3,348	8.7	1.3	18.8%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	14.7	0.0%	0.3	632	0.0	356	41.3	1.2	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	24.3	-0.2%	1.2	3,493	10.2	2,632	9.2	1.5	35.8%	18.1%	
HSG	Thép	11.4	0.0%	1.6	220	4.8	1,767	6.5	0.8	10.2%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	114.5	0.0%	0.8	8,669	4.2	5,538	20.7	6.6	58.7%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	178.5	-0.8%	0.8	4,977	1.1	6,328	28.2	6.2	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	54.6	0.2%	1.0	2,775	1.6	3,255	16.8	2.8	38.7%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	14.1	-0.7%	0.8	358	1.7	561	25.0	1.1	5.7%	5.1%	
ACV	Vận tải	53.2	-1.1%	0.8	5,035	0.3	3,450	15.4	3.2	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	99.5	-0.5%	1.1	2,266	1.0	3,465	28.7	3.5	17.9%	12.4%	
HVN	Vận tải	23.6	-0.4%	1.7	1,452	0.6	(3,853)	N/A	N/A	2.9	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	20.8	3.5%	0.9	268	0.6	1,377	15.1	1.0	49.0%	6.7%	
PVT	Vận tải	10.3	1.0%	1.1	126	0.5	2,007	5.1	0.6	22.3%	13.8%	
VCS	Vật liệu xây dựng	60.9	0.2%	1.1	411	0.2	8,219	7.4	2.9	2.9%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	21.7	2.1%	0.8	423	0.5	1,362	15.9	1.5	10.1%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.2	-1.5%	1.0	219	0.4	1,937	6.8	0.9	6.4%	13.5%	
CTD	Xây dựng	78.1	1.2%	1.1	259	1.6	8,467	9.2	0.7	46.9%	7.9%	
CII	Xây dựng	17.9	1.4%	0.3	185	0.7	1,615	11.1	0.8	36.4%	8.0%	
REE	Điện	34.5	-0.1%	-1.4	465	0.8	4,780	7.2	1.0	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	17.7	0.6%	-0.4	123	0.1	2,178	8.1	0.8	16.6%	9.9%	
POW	Điện	9.6	-0.7%	0.6	976	0.7	925	10.4	0.8	11.3%	8.0%	
NT2	Điện	21.6	-0.9%	0.6	270	0.3	2,685	8.0	1.4	18.5%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	13.6	-0.4%	0.9	278	0.9	1,242	10.9	0.7	21.0%	6.2%	
BCM	Khu công nghiệp	30.2	-1.0%	0.9	1,359	0.1	2,332	13.0	2.1	2.1%	17.7%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	38.50	1.05	0.46	780760.00
CTG	23.20	1.75	0.43	3.87MLN
VCB	82.10	0.24	0.21	312920.00
PLX	45.70	1.11	0.19	549990.00
GTN	24.30	4.52	0.08	4.63MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.68	215330.00	1.11MLN
GAS	0.00	-0.27	550870.00	607060.00
SAB	0.00	-0.26	147070.00	373600.00
VRE	0.00	-0.23	1.51MLN	192700.00
VHM	0.00	-0.19	905140.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	8.57	6.99	0.00	3500.00
HAP	3.98	6.99	0.00	783630.00
CCL	7.35	6.99	0.01	348220.00
EVG	3.83	6.98	0.00	2.12MLN
VPS	17.65	6.97	0.01	116230.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PNC	9.44	-7.00	0.00	5000.00
CDC	24.60	-6.99	-0.01	2730.00
ACL	16.05	-6.96	-0.01	681350.00
HCD	3.44	-6.78	0.00	3.29MLN
RIC	4.71	-6.73	0.00	3520.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.40	6.72	2.60	15.33MLN
SHN	9.20	4.55	0.05	46300.00
SHS	10.70	1.90	0.04	2.46MLN
NVB	8.70	1.16	0.04	3.16MLN
NDN	15.10	5.54	0.04	780900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	12.60	-0.79	-0.15	1.53MLN
PTI	18.20	-8.08	-0.03	200.00
CTX	8.30	-8.79	-0.02	800.00
DNM	56.20	-8.77	-0.02	87900.00
CEO	6.90	-1.43	-0.02	1.17MLN

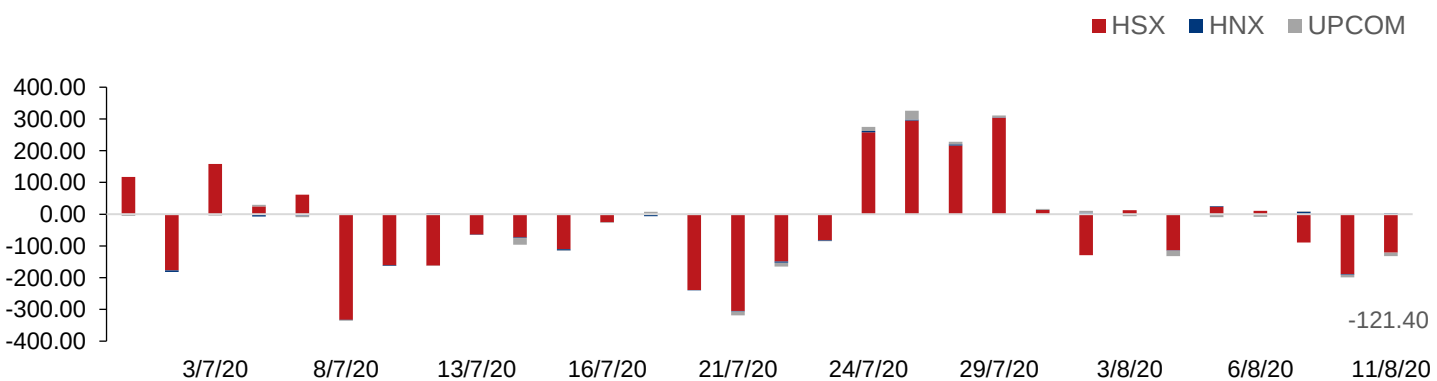
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.70	16.7	0.01	345500.00
BII	0.70	16.7	0.00	83000.00
CAN	27.50	10.0	0.01	43700.00
KTS	9.90	10.0	0.00	100.00
KVC	1.10	10.0	0.01	522900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTJ	3.60	-10.00	0.00	5300.00
PCT	4.60	-9.80	0.00	200.00
PGT	4.70	-9.62	0.00	100.00
HCT	8.60	-9.47	0.00	5400.00
CTX	8.30	-8.79	-0.02	800.00

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	26.7	3,321	8.0	1.3	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	21.5	4,126	5.2	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	48.9	9,642	5.1	1.4	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	54.6	3,255	16.8	2.8	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	32.8	4,666	7.0	1.3	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.4	1,767	6.5	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.6	5,479	8.0	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	26.5	1,902	13.9	2.2	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	24.3	2,632	9.2	1.5	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	19.5	3,103	6.3	1.0	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	55.1	4,629	11.9	2.6	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	127.0	5,718	22.2	7.8	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	9.5	1,672	5.7	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.0	1,721	9.9	1.0	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.3	7,132	2.8	1.1	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.6	5,227	4.1	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	42.8	4,761	9.0	1.8	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.1	4,915	16.7	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	25.4	3,750	6.8	1.4	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.9	5,465	6.8	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	53.7	5,877	9.1	2.5	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	47.0	4,280	11.0	2.5	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	20.8	1,377	15.1	1.0	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.6	1,242	10.9	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	178.5	6,328	28.2	6.2	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	24.4	2,041	12.0	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	114.5	5,538	20.7	6.6	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.5	1,407	8.2	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	79.5	8,348	9.5	2.5	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	16.4	2,048	8.0	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	96.7	5,044	19.2	4.0	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.3	2,007	5.1	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	55.1	4,629	11.9	2.6	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	31.4	4,313	7.3	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	215.6	14,782	14.6	5.9	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	10.3	0	18.6	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	9.4	1,671	5.6	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	17.7	2,178	8.1	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	26.3	-218	#N/A	2.7	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	31.0	2,986	10.4	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020_ Sớm thích nghi với dịch lần 2	x		Click
2	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
6	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
7	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
9	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
10	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
11	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	x		Click
12	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
14	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
15	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	x		Click
21	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
22	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		x	Click
23	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_ Trước tâm bão chiến tranh thương	x		Click
24	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	x		Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	x		Click
27	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		x	Click
28	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		x	Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	x		Click
31	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	x		Click
33	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
37	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
39	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019_20181203	x		Click
40	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	x		Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 100835 ; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp – PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 13450 ; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức

Vũ Thanh Phong

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

Bùi Huy Hiệp

Chức vụ

Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email

hiepbh@bsc.com.vn